TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2026
V/v Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo.

2. Ông Nguyễn Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc "Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Trúc N, sinh năm 2002; địa chỉ: Số H, đường N, tổ C, khu phố N, xã G, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: G đường N, ấp C, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Tam V, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà N) trình bày:*

Bà N và ông V là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã có thẩm quyền.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau, có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Bà N và

ông V không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Vì vậy, bà N làm đơn xin ly hôn với ông V.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Trúc N yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Lê Tam V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Mẫn N1, sinh ngày 24/11/2020. Bà N yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên họp và tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà N không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2026, quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông V trình bày:*

Ông Vũ thống N2 với lời trình bày của bà N về quá trình chung sống, không có đăng ký kết hôn và có 01 con chung.

- Trước yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà N thì ông V đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Mẫn N1, sinh ngày 24/11/2020. Ông V yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Vì con chung sống với ông từ năm 2022 cho đến nay, ông vẫn chăm sóc tốt cho con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông V không có ý kiến gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Trúc N khởi kiện ông Lê Tam V về việc không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con. Ông V có nơi cư trú tại ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Ông V có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng ông V theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông V chung sống với nhau từ năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chung sống của bà N và ông V không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N cho rằng bà và ông Vũ T bất đồng quan điểm sống, thường hay cải nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc nên bà và ông V không chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Vì vậy, bà N làm đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông V. Trước yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà N thì ông V đồng ý. Xét thấy việc bà N và ông V chung sống với nhau là tự nguyện nhưng hôn nhân giữa bà N và ông V không hợp pháp nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông V.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông V có 01 con chung tên Lê Ngọc Mẫn N1, sinh ngày 24/11/2020. Bà N yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V không đồng ý yêu cầu của bà N. Ông V yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án có thông báo cho bà N cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Mẫn N1 nhưng bà N không cung cấp, tuy nhiên đến tại phiên tòa sơ thẩm bà N mới cung cấp giấy xác nhận thu nhập không ghi ngày tháng. Theo nội dung giấy xác nhận thể hiện bà N đang làm thuê cho tiệm tóc, thu nhập mỗi tháng là 9.000.000 đồng. Trong khi đó, ông V cung cấp chứng cứ chứng minh hiện nay ông đang làm phụ hồ và có thu nhập 13.000.000 đồng/tháng. Mặc khác, cháu N1 đang sống chung với ông V từ năm 2022 cho đến nay. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung chưa thành niên nên giao cháu N1 cho ông V chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông V không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 58, 84, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Trúc N đối với ông Lê Tam V về việc "không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Trúc N và ông Lê Tam V.

2. Về con chung: Giao cho ông Lê Tam V nuôi con chung tên Lê Ngọc Mẫn N1, sinh ngày 24/11/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Tam V về việc không yêu cầu bà Phạm Thị Trúc N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Phạm Thị Trúc N chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003820 ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh